

Số: 515/2010/QĐ-ĐHNT

Nha Trang, ngày 13 tháng 5 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang**

#### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo Đại học – Sau Đại học,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Các ông/bà Trưởng khoa, phòng có liên quan và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **HIỆU TRƯỞNG**

*Đã ký*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT.

**Vũ Văn Xứng**

**QUY ĐỊNH**  
**ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIÊN SĨ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 515 /2010/QĐ-ĐHNT ngày 13/ 5 /2010  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

**Chương 1. QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này qui định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang bao gồm: tuyển sinh, chương trình, tổ chức đào tạo, luận án, bảo vệ luận án, thẩm định luận án, cấp bằng tiến sĩ, khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Quy định này áp dụng cho nghiên cứu sinh, giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ, giảng viên hướng dẫn nghiên cứu sinh, đơn vị chuyên môn và đơn vị có liên quan đến đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang.

**Điều 2. Mục tiêu đào tạo**

Đào tạo trình độ tiến sĩ là đào tạo nhà khoa học có: trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp; khả năng nghiên cứu độc lập và sáng tạo; khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

**Điều 3. Thời gian đào tạo**

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục; đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm tập trung liên tục.

2. Trường hợp nghiên cứu sinh không có điều kiện theo học tập trung liên tục và được trường chấp nhận thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học và nghiên cứu như quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại trường để thực hiện đề tài nghiên cứu.

**Chương 2. MỞ CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO**

**Điều 4. Điều kiện đăng ký mở chuyên ngành đào tạo**

1. Cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ được đăng ký mở chuyên ngành đào tạo khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Tên chuyên ngành đào tạo có trong danh mục chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Trường hợp tên chuyên ngành đào tạo chưa có trong danh mục, cơ sở đào tạo phải trình bày luận cứ khoa học về chuyên ngành đào tạo mới đã được Hội đồng Khoa học – Đào tạo khoa thông qua, thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo tham khảo của một số trường đại học nước ngoài.

b) Có đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu của trường đáp ứng yêu cầu đào tạo, cụ thể:

- Có ít nhất 1 phó giáo sư và 4 tiến sĩ cùng ngành, trong đó ít nhất có 3 người cùng chuyên ngành đăng ký;

- Trong vòng 3 năm tính đến khi lập hồ sơ đăng ký mở ngành, mỗi năm có ít nhất 3 công trình nghiên cứu của các giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu của bộ môn hoặc khoa, phòng chuyên môn đào tạo nghiên cứu sinh (sau đây gọi chung là đơn vị chuyên môn) công bố trên các tạp chí khoa học có phản biện độc lập, có uy tín ở trong nước hoặc nước ngoài;

- Có khả năng xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện luận án tiến sĩ và tổ chức hội đồng đánh giá luận án.

c) Có cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị, thư viện, phòng thí nghiệm bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo; có chỗ làm việc dành riêng cho nghiên cứu sinh;

d) Có kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu khoa học; đã thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp nhà nước, cấp Bộ, ngành, cấp tỉnh, thành phố; có kinh nghiệm trong đào tạo, bồi dưỡng những người làm công tác nghiên cứu khoa học; thường xuyên tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học chuyên ngành; thường xuyên có những trao đổi hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, đào tạo;

đ) Đối với cơ sở đào tạo là trường: phải là cơ sở đào tạo thạc sĩ và đã đào tạo được ít nhất 2 khoá thạc sĩ tốt nghiệp ở ngành hay chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành dự định đăng ký đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Đối với chuyên ngành đặc thù, trên cơ sở Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét quyết định giao chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ cho trường.

#### **Điều 5. Thẩm quyền, hồ sơ và quy trình giao chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ**

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định giao chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ cho trường khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy định này.

2. Hồ sơ đăng ký mở chuyên ngành đào tạo gồm có:

a) Công văn đề nghị mở chuyên ngành đào tạo của trường;

b) Đề án đăng ký mở chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ gồm các nội dung sau: Mở đầu (giới thiệu về trường và lý do đăng ký mở chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ mới); Mục tiêu đào tạo; Lực lượng cán bộ khoa học, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo trình độ tiến sĩ và khả năng thành lập hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ thuộc chuyên ngành đăng ký; Chương trình và kế hoạch đào tạo của chuyên ngành đăng ký (Phụ lục 1, mỗi chuyên ngành 1 bản đề án).

3. Quy trình giao chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ :

a) Trường gửi 3 bộ hồ sơ đến cấp có thẩm quyền để xem xét và tổ chức thẩm định đề án trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

b) Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định, nếu trường đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy định này, cấp có thẩm quyền ra quyết định giao chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ cho trường. Trong trường hợp trường không đáp ứng đủ các điều kiện quy định, cấp có thẩm quyền có văn bản thông báo kết quả thẩm định cho trường.

#### **Điều 6. Thu hồi quyết định giao chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ**

1. Việc thu hồi quyết định giao chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ cho trường được thực hiện khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Không duy trì được các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này;

b) Không tuyển sinh được trong 3 năm liên tiếp;

c) Không được công nhận đạt tiêu chuẩn tại các kỳ kiểm định chất lượng (kiểm định

cơ sở đào tạo hoặc kiểm định chương trình đào tạo) do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

2. Cấp có thẩm quyền giao chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ có thẩm quyền thu hồi quyết định giao chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

### **Chương 3. TUYỂN SINH**

#### **Điều 7. Thời gian và hình thức tuyển sinh**

1. Thời gian tuyển sinh: mỗi năm, tùy theo nhu cầu và chỉ tiêu tuyển sinh, trường tổ chức từ 1 đến 2 kỳ tuyển nghiên cứu sinh vào tháng 2 và tháng 8.

2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.

#### **Điều 8. Điều kiện dự tuyển**

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

1. Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại giỏi trở lên, ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Danh mục ngành, chuyên ngành phù hợp được qui định trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ các chuyên ngành của trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo.

2. Có 1 bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn (Mục I Phụ lục 2). Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà khoa hoặc bộ môn đang thực hiện hoặc có đủ điều kiện và người hướng dẫn.

3. Có 2 thư giới thiệu của 2 nhà khoa học có chức danh khoa học là giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc 1 thư giới thiệu của 1 nhà khoa học có học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và 1 thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Người giới thiệu cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- b) Năng lực hoạt động chuyên môn;
- c) Phương pháp làm việc;
- d) Khả năng nghiên cứu;
- đ) Khả năng làm việc theo nhóm;
- e) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- g) Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- h) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ thí sinh làm nghiên cứu sinh.

4. Có đủ trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án quy định tại Điều 9 của Quy định này.

5. Được cơ quan công tác (nếu là người đã có việc làm), hoặc trường, viện nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

6. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của trường (đóng học phí và các khoản kinh phí đào tạo khác).

### **Điều 9. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển**

1. Đối với người dự tuyển có bằng thạc sĩ: được coi như đủ trình độ ngoại ngữ.
2. Đối với người dự tuyển chỉ có bằng đại học: phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng sau:

a) Chứng chỉ TOEFL ITP 450 điểm, iBT 45 điểm hoặc IELTS 5.0 điểm hoặc TOEIC 500 điểm trở lên (trong thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp);

b) Bằng đại học ngành Tiếng Anh hoặc bằng đại học mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là Tiếng Anh không qua phiên dịch.

### **Điều 10. Thông báo tuyển sinh**

1. Chậm nhất 3 tháng trước mỗi đợt tuyển sinh, trường ra thông báo tuyển sinh và gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để báo cáo.

2. Thông báo tuyển sinh được đăng trên trang Web của trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo với các nội dung chính như sau:

a) Chỉ tiêu tuyển sinh của từng chuyên ngành;

b) Kế hoạch tuyển sinh;

c) Hồ sơ dự tuyển và thời gian nhận hồ sơ;

d) Thời gian xét tuyển, công bố kết quả tuyển chọn và nhập học;

đ) Danh mục hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu, kèm theo danh sách nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, số lượng nghiên cứu sinh có thể tiếp nhận theo từng hướng nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu (Mẫu 6 Phụ lục 1);

e) Các yêu cầu, thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ tuyển sinh.

### **Điều 11. Hội đồng tuyển sinh**

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên.

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền;

b) Ủy viên thường trực: Trưởng hoặc Phó Trưởng Phòng Đào tạo Đại học – Sau Đại học;

c) Các ủy viên: Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa chuyên ngành có thí sinh đăng ký dự tuyển. Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật; báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

a) Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh quy định tại Chương 3 của Quy định này;

b) Quyết định và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định tại Chương 3 của Quy định này; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của trường;

c) Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh và các Tiểu ban chuyên môn. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

## **Điều 12. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh**

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các uỷ viên.
2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:
  - a) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh; thu lệ phí dự tuyển;
  - b) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh;
  - c) Xây dựng thang điểm đánh giá thí sinh để trình Hội đồng tuyển sinh phê duyệt;
  - d) Tiếp nhận và tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại của các tiểu ban chuyên môn để trình Hội đồng tuyển sinh xét tuyển;
  - đ) Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho thí sinh dự tuyển.
3. Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

## **Điều 13. Tiểu ban chuyên môn**

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh do Ban Thư ký tuyển sinh chuyển tới, Trưởng khoa đề xuất các tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng tiểu ban để trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.
2. Tiểu ban chuyên môn có ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là thành viên, cán bộ khoa học, giảng viên trong trường hoặc ngoài trường (do Trưởng khoa mời nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn thí sinh nếu trúng tuyển. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban và các thành viên tiểu ban.
3. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm: tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, bảo vệ bài luận về dự định nghiên cứu và xếp loại thí sinh dự tuyển theo mức độ xuất sắc, khá, trung bình hoặc không tuyển.

## **Điều 14. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh**

1. Tiểu ban chuyên môn đánh giá, phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển: kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong 2 thư giới thiệu.
2. Tiểu ban chuyên môn đánh giá thí sinh thông qua phân bảo vệ về dự định nghiên cứu. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt câu hỏi để đánh giá thí sinh về các mặt: tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh. Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản nhận xét, đánh giá phân loại thí sinh về các nội dung này (Mục II Phụ lục 2).
3. Tiểu ban chuyên môn tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, xếp loại thí sinh và chuyển về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.
4. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại của tất cả thí sinh dự tuyển để trình Hội đồng tuyển sinh.
5. Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh từng chuyên ngành đào tạo và kết quả xếp loại của các thí sinh, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

## **Điều 15. Triệu tập thí sinh trúng tuyển**

1. Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển được Hiệu trưởng duyệt, nhà trường

gửi giấy gọi nhập học đến các thí sinh được tuyển chọn.

2. Sau khi thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, hướng nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu (nếu đã xác định), chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh.

## **Chương 4. CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

### **Điều 16. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm giúp nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành, có kiến thức rộng về các ngành liên quan, tự trang bị kiến thức lý luận nền tảng và kiến thức có tính ứng dụng của ngành và chuyên ngành. Nội dung chương trình phải hỗ trợ nghiên cứu sinh tự rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng độc lập xác định vấn đề và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết; hỗ trợ nghiên cứu sinh phương pháp nghiên cứu, viết bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu.

2. Phương pháp đào tạo ở trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

3. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm 3 phần:

- a) Phần 1: Các học phần bổ sung;
- b) Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;
- c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ được thiết kế trên cơ sở khối lượng kiến thức và yêu cầu quy định tại các Điều 17, 18 và 19 của Quy định này.

### **Điều 17. Các học phần bổ sung**

Các học phần bổ sung giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và đạt được trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh.

1. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng, được học trong 2 năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ, có khối lượng kiến thức từ 27 đến 36 tín chỉ, chưa kể học phần triết học và ngoại ngữ.

2. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gắn với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo hiện tại, nghiên cứu sinh phải học bổ sung các học phần có khối lượng kiến thức từ 4 đến 6 tín chỉ.

3. Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của nghiên cứu sinh còn thiếu những môn học, học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, nhà trường yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học có khối lượng kiến thức từ 4 đến 6 tín chỉ.

### **Điều 18. Các học phần trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan**

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ nhằm trang bị cho nghiên cứu sinh kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn, nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học phần ở trình độ tiến sĩ có khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 3 đến 5 học phần với khối lượng từ 8 đến 12 tín chỉ.

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần

tự chọn. Khối lượng kiến thức của các học phần tự chọn chiếm từ 30 đến 50% chương trình đào tạo tùy chuyên ngành đào tạo. Các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành. Các học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện phương pháp nghiên cứu, cách viết bài báo khoa học.

3. Các chuyên đề tiến sĩ nhằm giúp nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài luận án, giải quyết trực tiếp một số nội dung của đề tài luận án thông qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 2 đến 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng từ 4 đến 6 tín chỉ.

4. Bài tiểu luận tổng quan giúp nghiên cứu sinh tìm hiểu và nắm bắt tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án. Bài tiểu luận tổng quan cần thể hiện kết quả phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

5. Hội đồng Khoa học - Đào tạo khoa có nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo theo hướng dẫn tại Phụ lục 3, định kỳ 2 năm 1 lần bổ sung, điều chỉnh danh mục và nội dung các học phần, các chuyên đề tiến sĩ theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

6. Danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ của chuyên ngành đào tạo; cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà nghiên cứu sinh cần đạt; cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề và đánh giá tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh được qui định trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và được nhà trường cung cấp cho nghiên cứu sinh trước khi khai giảng.

### **Điều 19. Nghiên cứu khoa học**

1. Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. Tùy theo lĩnh vực nghiên cứu, đơn vị quản lý nghiên cứu sinh có các yêu cầu khác nhau đối với việc đánh giá hiện trạng tri thức, giải pháp công nghệ liên quan đến đề tài luận án, yêu cầu điều tra, thực nghiệm để bổ sung các dữ liệu cần thiết, yêu cầu suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp, thí nghiệm để từ đó nghiên cứu sinh đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Đây là các cơ sở quan trọng nhất để nghiên cứu sinh viết luận án tiến sĩ.

2. Nội dung, quy mô nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Tùy theo tính chất của đề tài nghiên cứu mà trường và người hướng dẫn đầu tư đủ kinh phí và cơ sở vật chất thí nghiệm, đội ngũ để nghiên cứu sinh tiến hành xong các nghiên cứu cần thiết. Nghiên cứu sinh phải đảm bảo về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

3. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án nghiên cứu sinh được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do nghiên cứu sinh chịu hoặc do đơn vị cử đi học hoặc trường hỗ trợ nếu có điều kiện.

### **Điều 20. Luận án tiến sĩ**

Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học độc đáo, sáng tạo, có



đóng góp mới về mặt lý luận hoặc giải pháp công nghệ, chứa đựng những tri thức mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của chuyên ngành hoặc giải quyết sáng tạo các vấn đề đang đặt ra với một ngành khoa học hoặc thực tiễn xã hội.

#### **Điều 21. Tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan**

1. Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ trình độ của từng nghiên cứu sinh, căn cứ văn bằng, bằng điểm trình độ đại học và thạc sĩ của nghiên cứu sinh, người hướng dẫn và Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa căn cứ chương trình đào tạo tiến sĩ của chuyên ngành để đề xuất các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của nghiên cứu sinh chuyển đến Phòng Đào tạo Đại học – Sau Đại học để trình Hiệu trưởng phê duyệt. Phòng Đào tạo Đại học – Sau Đại học xây dựng kế hoạch đào tạo và thông báo cho nghiên cứu sinh thực hiện.

2. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học và thạc sĩ, nghiên cứu sinh phải theo học cùng lớp đào tạo trình độ tương ứng. Đối với các học phần ở trình độ tiến sĩ, trường tổ chức thực hiện.

3. Trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ khi bắt đầu khóa học, nghiên cứu sinh phải hoàn thành Phần 1 và Phần 2 của chương trình đào tạo. Nếu hết thời gian trên mà nghiên cứu sinh vẫn chưa hoàn thành chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Đại học – Sau Đại học trình Hiệu trưởng quyết định đình chỉ đào tạo và trả nghiên cứu sinh về cơ quan công tác hay địa phương nơi cư trú.

4. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh phải đảm bảo các yêu cầu: khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh; việc đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ thực hiện theo quy trình đánh giá khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo. Cụ thể:

a) Học phần bổ sung và học phần ở trình độ tiến sĩ được đánh giá theo đề cương chi tiết học phần. Trường hợp điểm đánh giá học phần không đạt yêu cầu, nghiên cứu sinh được phép học lại duy nhất 1 lần và phải đóng học phí học lại theo qui định.

b) Bài tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ được đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan gồm 3 thành viên gồm Chủ tịch, Thư ký và Ủy viên Hội đồng. Hội đồng đánh giá do Hiệu trưởng quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của khoa. Bài tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ được coi là đạt yêu cầu nếu điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng từ 7 điểm trở lên (thang điểm 10).

5. Những nghiên cứu sinh có kết quả các học phần, các chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đủ điều kiện tiếp tục làm nghiên cứu sinh thì có thể được xem xét bổ sung một số học phần hoặc kết quả nghiên cứu để được cấp bằng thạc sĩ nếu nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ và có đơn đề nghị.

#### **Điều 22. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận án**

Trước khi bảo vệ luận án, nghiên cứu sinh phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ tại nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là Tiếng Anh;

2. Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ ở trong nước mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là Tiếng Anh không qua phiên dịch;

3. Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Tiếng Anh;

4. Có chứng chỉ Tiếng Anh TOEFL iBT 61 điểm hoặc TOEFL ITP 500 điểm hoặc IELTS 5.0 điểm hoặc TOEIC 600 điểm trở lên.

### **Điều 23. Những thay đổi trong quá trình đào tạo**

1. Thay đổi đề tài luận án:

a) Nghiên cứu sinh được phép đổi đề tài luận án trong nửa đầu thời gian đào tạo nếu được người hướng dẫn chấp thuận;

b) Trong trường hợp chưa bảo vệ tiểu luận tổng quan hoặc các chuyên đề tiên sĩ, nghiên cứu sinh phải thực hiện lại tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiên sĩ phù hợp với đề tài luận án mới và phải đóng các khoản kinh phí phát sinh theo qui định.

2. Bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn:

a) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn rơi vào một trong các trường hợp sau: người hướng dẫn không đủ sức khỏe; người hướng dẫn có đề nghị không tiếp tục hướng dẫn; ý kiến đề nghị của bộ môn hoặc khoa gửi Hiệu trưởng;

b) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn phải được thực hiện chậm nhất 1 năm trước khi nghiên cứu sinh bảo vệ luận án.

3. Chuyển cơ sở đào tạo: khi có lý do chính đáng, nghiên cứu sinh có thể xin chuyển cơ sở đào tạo với điều kiện thời hạn học tập theo quy định còn ít nhất 1 năm, được trường đồng ý, được cơ sở chuyển đến tiếp nhận.

4. Gia hạn thời gian đào tạo:

a) Nghiên cứu sinh được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời hạn quy định, luận án đã được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa;

b) Nếu nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin gia hạn học tập gửi Phòng Đào tạo Đại học – Sau Đại học có ý kiến của đơn vị cử đi học (nếu có). Việc gia hạn học tập chỉ được giải quyết khi có lý do chính đáng với các điều kiện đảm bảo trong thời gian gia hạn nghiên cứu sinh hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu. Thời gian gia hạn không quá 24 tháng. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn. Đối với nghiên cứu sinh hệ không tập trung khi được gia hạn phải làm việc tại khoa và bộ môn đào tạo để hoàn thành luận án trong thời gian được gia hạn.

5. Bảo vệ sớm luận án: khi nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo và đề tài nghiên cứu thể hiện qua kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín, nghiên cứu sinh có thể đề nghị được bảo vệ sớm luận án. Phòng Đào tạo Đại học – Sau Đại học xem xét trình Hiệu trưởng quyết định việc bảo vệ sớm căn cứ trên kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, đề nghị của người hướng dẫn và ý kiến đánh giá, đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa.

6. Khi nghiên cứu sinh hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn nếu có) hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo (kể cả khi nghiên cứu sinh bảo vệ sớm trước thời hạn), trường gửi văn bản thông báo cho đơn vị cử nghiên cứu sinh đi học biết và có đánh giá về kết quả nghiên cứu và thái độ của nghiên cứu sinh trong quá trình học tập tại trường.

7. Trình luận án sau khi hết thời gian đào tạo:

a) Nghiên cứu sinh có thể trở lại trường trình luận án để bảo vệ nếu đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học, được người hướng dẫn đồng ý;

b) Thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 7 năm (84 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Quá thời gian này, nghiên cứu sinh

không được bảo vệ luận án và kết quả học các học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

#### **Điều 24. Giảng viên giảng dạy các học phần của trình độ tiến sĩ**

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có phẩm chất đạo đức và tư cách tốt.
2. Có bằng tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư ở chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.
3. Có năng lực chuyên môn tốt và hiện đang hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện ở các bài báo, công trình được công bố trước và trong thời gian giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

#### **Điều 25. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 24 của Quy định này và các tiêu chuẩn sau:

- a) Có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ. Nếu có bằng tiến sĩ nhưng chưa có chức danh khoa học thì phải sau khi nhận bằng tiến sĩ tối thiểu 3 năm;
- b) Có bài báo, công trình nghiên cứu khoa học công bố trong 3 năm trở lại đây;
- c) Có tên trong thông báo của trường về danh sách người hướng dẫn và danh mục hướng hay lĩnh vực hay đề tài nghiên cứu dự định nhận nghiên cứu sinh vào năm tuyển sinh;
- d) Có khả năng đặt vấn đề và hướng dẫn nghiên cứu sinh giải quyết vấn đề khoa học đã đặt ra;

đ) Sử dụng tốt Tiếng Anh trong nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;  
e) Hiện không trong thời gian phải tạm ngừng nhận nghiên cứu sinh mới theo quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có không quá 2 người hướng dẫn. Trường hợp có 2 người hướng dẫn, người hướng dẫn thứ nhất (người hướng dẫn chính) có trách nhiệm chính trong việc hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn thứ hai (người hướng dẫn phụ) hướng dẫn nghiên cứu sinh một số nội dung nghiên cứu cụ thể do người hướng dẫn chính phân công.

3. Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, có nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn nghiên cứu sinh được độc lập hướng dẫn nghiên cứu sinh.

4. Giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn đồng thời không quá 5 nghiên cứu sinh, phó giáo sư hoặc tiến sĩ được hướng dẫn đồng thời không quá 3 nghiên cứu sinh ở tất cả các cơ sở đào tạo (kể cả ngoài trường) mà người đó được mời hướng dẫn, kể cả đồng hướng dẫn và kể cả nghiên cứu sinh đã hết hạn đào tạo nhưng còn trong thời gian được phép quay lại trường bảo vệ luận án theo quy định tại khoản 6 Điều 23 của Quy định này. Mỗi người hướng dẫn được nhận hướng dẫn không quá 2 nghiên cứu sinh của cùng một khóa.

5. Khi người hướng dẫn có 2 nghiên cứu sinh không hoàn thành luận án vì lý do chuyên môn thì sẽ tạm thời không được nhận thêm nghiên cứu sinh. Khi có đến 3 nghiên cứu sinh không hoàn thành luận án mà không có lý do chính đáng, người hướng dẫn sẽ không được nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh trong thời gian ít nhất là 2 năm.

6. Trường khuyến khích và tạo điều kiện để các nhà khoa học ngoài nước (là người Việt Nam hoặc người nước ngoài) có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh.

## **Điều 26. Nhiệm vụ của người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Duyệt kế hoạch học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh.
2. Xác định danh mục học phần trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ cho nghiên cứu sinh, đề xuất với trường khoa để trình Hiệu trưởng quyết định.
3. Lên kế hoạch làm việc với nghiên cứu sinh theo định kỳ tuần, tháng, quý, năm. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc nghiên cứu sinh học tập và thực hiện đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học, công bố kết quả nghiên cứu.
4. Giúp nghiên cứu sinh chuẩn bị báo cáo chuyên đề theo lịch trình của bộ môn; chuẩn bị bài giảng, tài liệu giảng dạy để tham gia giảng dạy, trợ giảng và hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học.
5. Nhận xét về tình hình học tập, nghiên cứu và tiến độ đạt được của nghiên cứu sinh trong báo cáo định kỳ của nghiên cứu sinh gửi bộ môn.
6. Duyệt luận án của nghiên cứu sinh, xác nhận kết quả đã đạt được và đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ nếu luận án đáp ứng các yêu cầu qui định.
7. Các nhiệm vụ khác theo qui định của trường.

## **Điều 27. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh**

1. Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh là thành viên chính thức của bộ môn, có trách nhiệm báo cáo kế hoạch thực hiện chương trình học tập, nghiên cứu và đề cương nghiên cứu với khoa.
2. Nghiên cứu sinh phải thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch và lịch đã định; tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt khoa học của khoa; viết báo cáo khoa học, viết ít nhất 2 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học có phản biện độc lập; tham gia các sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của mình ở trong và ngoài trường; định kỳ hàng quý báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu với người hướng dẫn và khoa.
3. Tham gia các hoạt động chuyên môn như trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học theo sự phân công của bộ môn.
4. Vào đầu mỗi năm học, nghiên cứu sinh phải nộp cho khoa báo cáo kết quả học tập và nghiên cứu bao gồm: những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu; đề cương nghiên cứu chi tiết, kế hoạch học tập, nghiên cứu trong năm học mới để khoa xem xét, đánh giá.
5. Nghiên cứu sinh không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ các thành viên Hội đồng cấp trường trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của thành viên Hội đồng cấp trường, các nhà khoa học và các tổ chức khoa học.
6. Nộp học phí và kinh phí đào tạo theo qui định.

## **Điều 28. Trách nhiệm của khoa**

1. Xem xét và thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa trước khi trình Hiệu trưởng quyết định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ; kế hoạch đào tạo đối với từng nghiên cứu sinh; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của nghiên cứu sinh.
2. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và nghiên cứu sinh, ít nhất mỗi tháng 1 lần, để nghiên cứu sinh báo cáo chuyên đề và kết quả

nghiên cứu; phân công nghiên cứu sinh giảng dạy, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, đưa sinh viên đi thực hành, thực tập.

3. Quy định lịch làm việc của nghiên cứu sinh với người hướng dẫn; lịch của đơn vị chuyên môn nghe nghiên cứu sinh báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học, đảm bảo ít nhất 4 lần 1 năm. Tổ chức xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; khả năng và triển vọng của nghiên cứu sinh và đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc tiếp tục học tập đối với từng nghiên cứu sinh.

4. Đề xuất với Hiệu trưởng danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập mà nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu của mình, phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 30 của Quy định này; hướng dẫn, liên hệ và hỗ trợ nghiên cứu sinh gửi công bố kết quả nghiên cứu trong nước và nước ngoài.

5. Đề nghị Hiệu trưởng quyết định thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của nghiên cứu sinh.

6. Có các biện pháp quản lý và thực hiện quản lý chặt chẽ nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Định kỳ 6 tháng 1 lần báo cáo Hiệu trưởng về tình hình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đồng thời thông qua Hiệu trưởng gửi báo cáo này cho Thủ trưởng đơn vị công tác của nghiên cứu sinh.

7. Tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở cấp khoa, xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường.

Phân cấp quản lý (giữa cấp trường và khoa) trong công tác đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 12.

### **Điều 29. Trách nhiệm của trường**

1. Xây dựng và ban hành quy định của trường về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý nghiên cứu sinh, về luận án, bảo vệ luận án, cấp bằng tiến sĩ và các hoạt động liên quan đến quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ trên cơ sở “Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ” của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của trường theo từng chuyên ngành đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các chuyên ngành được phép đào tạo; lập hồ sơ gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo đăng ký chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; phê duyệt danh mục tạp chí khoa học uy tín, có phản biện độc lập mà nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu theo từng chuyên ngành đào tạo và hướng dẫn nghiên cứu sinh thủ tục, quy trình gửi bài cho các tạp chí trong nước và tạp chí nước ngoài.

4. Tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được xác định và theo quy định tại Chương 3 của Quy định này.

5. Ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh; quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho nghiên cứu sinh.

6. Tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được duyệt. Tạo điều kiện để nghiên cứu sinh được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế ở trong nước và nước ngoài.

7. Cung cấp thiết bị, vật tư, tư liệu và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho việc học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh như đối với cán bộ của trường.

8. Tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo Quy định này. Đảm bảo đủ nhân lực có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tốt để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ

việc bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh.

9. Quản lý quá trình đào tạo, học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh; quản lý việc thi và cấp chứng chỉ các học phần, bảng điểm học tập; cấp giấy chứng nhận cho nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo, đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án; cấp bằng tiến sĩ và quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành; cấp bằng thạc sĩ cho nghiên cứu sinh theo qui định tại Khoản 5 Điều 21 của Quy định này.

10. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học thường niên; các hội thảo khoa học quốc tế. Xuất bản thường kỳ tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập của trường.

11. Xây dựng website và công bố công khai, cập nhật và duy trì trên website toàn văn luận án, tóm tắt luận án, những điểm mới của từng luận án (bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh) từ khi chuẩn bị bảo vệ; danh sách nghiên cứu sinh hàng năm; các đề tài nghiên cứu đang thực hiện; danh sách nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ.

12. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

a) Sau kỳ tuyển sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình và kết quả tuyển sinh, các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển (Phụ lục 4);

b) Tháng 10 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ của trường, những thay đổi về nghiên cứu sinh trong năm, xác định chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh năm sau (Phụ lục 5);

c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh bảo vệ trong 2 tháng vừa qua (Phụ lục 6).

d) Trước ngày 30/6 và 31/12 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình cấp bằng tiến sĩ của trường. Hồ sơ báo cáo gồm:

- Báo cáo tổng quan tình hình cấp bằng tiến sĩ của trường trong thời gian từ sau lần báo cáo trước.

- Danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng (Phụ lục 7).

- Bản sao quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ luận án đạt yêu cầu quy định.

- Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh có tên trong danh sách cấp bằng.

đ) Bảo quản và lưu trữ các tài liệu, hồ sơ của mỗi nghiên cứu sinh, của trường liên quan đến tuyển sinh, đào tạo, xét tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành về công tác lưu trữ.

13. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định này và chịu trách nhiệm về toàn bộ các hoạt động đào tạo tại trường.

14. Đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo với cơ quan có thẩm quyền.

Phân cấp quản lý (giữa cấp trường và khoa) trong công tác đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 12.

## **Chương 5. LUẬN ÁN VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN**

### **Điều 30. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ**

1. Luận án tiến sĩ phải chỉ ra được những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng lý luận khoa học cơ bản để phân tích quan điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó chỉ ra được hướng mới, xây dựng giả thuyết mới hoặc đề xuất giải pháp mới có ý nghĩa khoa học giải quyết các vấn đề mà luận án đặt ra bằng lý luận khoa học và các tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan về công

trình khoa học của mình trình bày trong quyển luận án. Khuyến khích nghiên cứu sinh viết và bảo vệ luận án bằng Tiếng Anh.

2. Nội dung luận án tiến sĩ gồm có: mở đầu; tổng quan tình hình nghiên cứu, mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu; cơ sở lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả, phân tích kết quả nghiên cứu; kết luận và kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo; danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án; tài liệu tham khảo và phụ lục (nếu cần).

3. Quyển luận án tiến sĩ có khối lượng khoảng 100 trang khổ A4, trong đó trên 50% trình bày các kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh.

4. Luận án tiến sĩ phải tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

5. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình các ý kiến bằng văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án.

6. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu (bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác hoặc của đồng tác giả mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt bảo vệ.

7. Danh mục công trình đã công bố của nghiên cứu sinh có liên quan đến đề tài luận án và tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả như thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

8. Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo tại hội nghị khoa học toàn quốc hàng năm của ngành khoa học mà nghiên cứu sinh thực hiện luận án, được công bố ít nhất trong 2 bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập. Nếu bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước, tạp chí phải thuộc nhóm tạp chí chuyên ngành được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước đánh giá điểm công trình đến 1 điểm. Khuyến khích nghiên cứu sinh đăng bài trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, các tạp chí do Viện Thông tin khoa học quốc tế ISI công bố hoặc các kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế do một Nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

9. Bộ cục và hình thức trình bày luận án và tóm tắt luận án được hướng dẫn tại Phụ lục 8.

### **Điều 31. Đánh giá và điều kiện bảo vệ luận án**

1. Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua 2 cấp:

a) Cấp khoa;

b) Cấp trường.

2. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đề nghị bảo vệ luận án:

a) Đã hoàn thành luận án và chương trình học tập quy định tại các Điều 17, 18, 19 và 20 của Quy định này trong thời gian quy định;

b) Luận án đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 20 và Điều 30 của Quy định này;

c) Tập thể người hướng dẫn có văn bản khẳng định chất lượng luận án, nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án;

d) Nghiên cứu sinh hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

### **Điều 32. Đánh giá luận án cấp khoa**

1. Khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 31 của Quy định này, Trưởng khoa đề nghị Hiệu trưởng (thông qua Phòng Đào tạo ĐH – SDH) thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa.

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa gồm 7 thành viên, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó có 5 thành viên là cán bộ khoa học của trường, khoa hoặc bộ môn (nơi nghiên cứu sinh thực hiện luận án) và 2 nhà khoa học ngoài trường. Hội đồng gồm Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng, 2 người phản biện và các Ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một chức trách trong Hội đồng. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm người phản biện.

3. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng ít nhất 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

4. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ 2 thành viên Hội đồng trở lên;
- đ) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Phiên họp đánh giá luận án cấp khoa là buổi sinh hoạt khoa học của khoa, mọi thành viên của khoa và những người quan tâm có thể tham dự. Nếu luận án vẫn còn những điểm cần bổ sung, sửa chữa, Hội đồng có thể họp nhiều lần nhưng không quá 3 phiên. Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh bổ sung, sửa chữa. Luận án chỉ được Hội đồng thông qua để đưa ra bảo vệ cấp trường khi đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp của Hội đồng và được tối thiểu 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành.

6. Hội đồng đánh giá luận án cấp Khoa thông qua danh sách tổ chức và cá nhân để gửi tóm tắt luận án. Danh sách gồm các tổ chức và cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng kết quả nghiên cứu trong luận án, trong đó số lượng cá nhân thuộc trường không quá 1/4 tổng số cá nhân trong danh sách.

7. Việc đánh giá luận án cấp khoa tập trung vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng luận án, đảm bảo độ chính xác, khách quan khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của nghiên cứu sinh.

8. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 9.

### **Điều 33. Hồ sơ đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường**

1. Trên cơ sở Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa, khoa chuyển hồ sơ đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường đến Phòng Đào tạo Đại học – Sau Đại học.

2. Hồ sơ đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường gồm có:

a) Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp đánh giá luận án cấp khoa, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng;



- b) Bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của nghiên cứu sinh sau mỗi phiên họp của Hội đồng, có chữ ký xác nhận và đồng ý của Chủ tịch Hội đồng và những thành viên có ý kiến đề nghị bổ sung sửa chữa;
- c) 2 bản nhận xét của 2 người phản biện luận án;
- d) Danh sách tổ chức và cá nhân được gửi tóm tắt luận án (gồm ít nhất 50 địa chỉ, trong đó có khoảng 5-10 tổ chức, còn lại là các nhà khoa học cùng lĩnh vực nghiên cứu);
- đ) Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ;
- e) Bản sao hợp lệ bằng điểm thạc sĩ, các học phần bổ sung, các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và chứng chỉ hoặc bằng Tiếng Anh của nghiên cứu sinh;
- g) Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);
- h) Bản kê và bản sao các bài báo, công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án;
- i) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);
- k) Luận án và tóm tắt luận án;
- l) Trang thông tin tóm tắt những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án (bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh). Nội dung gồm: tên nghiên cứu sinh và khoá đào tạo; tên luận án; tên chuyên ngành và mã số; chức danh khoa học, học vị và họ tên của người hướng dẫn; tên cơ sở đào tạo (Trường Đại học Nha Trang); nội dung ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận điểm mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án; chữ ký và họ tên của nghiên cứu sinh;
- m) Danh sách giới thiệu Hội đồng đánh giá luận án cấp trường gồm 15 người trong đó có Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng, 3 người phản biện là người ngoài trường, còn lại là các Ủy viên Hội đồng.

### **Điều 34. Phản biện độc lập**

1. Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, Hiệu trưởng xin ý kiến của 2 phản biện độc lập về luận án. Phản biện độc lập là những nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có trình độ chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có phẩm chất và đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án. Khuyến khích lấy ý kiến của phản biện độc lập ở nước ngoài, nhất là đối với những luận án thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ.
2. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của trường. Khoa, bộ môn, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.
3. Khi cả 2 phản biện độc lập tán thành luận án, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường. Khi có 1 phản biện độc lập không tán thành luận án, Hiệu trưởng gửi luận án xin ý kiến phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp trường.
4. Nếu cả 2 phản biện độc lập đầu tiên hoặc phản biện độc lập thứ ba không tán thành luận án, luận án được trả về khoa để đánh giá lại. Trong trường hợp này, nghiên cứu sinh phải chỉnh sửa luận án để bảo vệ lại ở cấp khoa. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp Trường sớm nhất sau 6 tháng và muộn nhất là 2 năm kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý

kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

5. Việc lựa chọn phản biện độc lập, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập và công tác bảo mật trong phản biện độc lập được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 10.

### **Điều 35. Hội đồng đánh giá luận án cấp trường**

1. Hội đồng đánh giá luận án cấp trường có 7 thành viên, bao gồm những nhà khoa học có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín chuyên môn, am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án; có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh công bố trong vòng 3 năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng. Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 4 người; thành viên là tiến sĩ phải sau khi nhận bằng tối thiểu 3 năm. Số thành viên thuộc cơ sở đào tạo không quá 3 người.

2. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 3 người phản biện và các uỷ viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng chuyên ngành với luận án. Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn, người có quan hệ ruột thịt (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em) với nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

### **Điều 36. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp trường**

1. Trường có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực thực hiện các công việc tổ chức đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh.

2. Điều kiện để nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường:

a) Thời gian, địa điểm bảo vệ luận án, tên đề tài luận án của nghiên cứu sinh đã được công bố công khai, rộng rãi trên trang web của trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên báo Khánh Hòa hoặc báo Nhân Dân, trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày để những người quan tâm có thời gian tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ (trừ các luận án bảo vệ mật);

b) Luận án, tóm tắt luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học theo danh sách đã được Hiệu trưởng quyết định và đã được trưng bày ở phòng đọc của thư viện trường ít nhất 30 ngày trước ngày đánh giá luận án. Toàn văn luận án, tóm tắt luận án (bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh) và trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, luận điểm mới về khoa học và thực tiễn của luận án (bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên website của trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày đánh giá luận án 30 ngày;

c) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến Phòng Đào tạo Đại học – Sau Đại học 15 ngày trước buổi đánh giá luận án;

d) Bản nhận xét luận án của thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ và cụ thể về: sự phù hợp của luận án với chuyên ngành đào tạo; trùng lặp hay không trùng lặp với các công trình đã công bố trong và ngoài nước; tính trung thực của các trích dẫn; bố cục và hình thức của luận án; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những luận điểm mới của luận

án; nội dung (phù hợp hay không phù hợp với đề tài nghiên cứu đã đăng ký) và chất lượng của các công trình đã công bố; kết luận: luận án có đáp ứng các yêu cầu đối với một luận án tiến sĩ quy định tại Điều 30 của Quy định này hay không;

đ) Phải có ít nhất 10 bản nhận xét về quyền tóm tắt luận án của các nhà khoa học, các tổ chức khoa học (theo danh sách đã được Hiệu trưởng duyệt) gửi về Phòng Đào tạo Đại học – Sau Đại học trước buổi đánh giá luận án tối thiểu 15 ngày.

3. Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ 2 thành viên Hội đồng trở lên;
- đ) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- e) Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án trong trường hợp cần thiết và chỉ vì lý do bất khả kháng (như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định). Các thời hạn quy định, liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

5. Trong thời hạn tối đa 3 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau khi Hội đồng tự giải tán, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều 31 của Quy định này. Hiệu trưởng quyết định việc cho phép nghiên cứu sinh bảo vệ luận án. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường lần đầu.

### **Điều 37. Tổ chức đánh giá luận án cấp trường**

1. Việc tổ chức đánh giá luận án cấp trường phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Luận án phải được đánh giá và bảo vệ công khai. Những đề tài liên quan tới bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 39 của Quy định này;

b) Việc đánh giá luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết về lĩnh vực chuyên môn của mình trước Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá;

c) Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi. Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

2. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có tối thiểu 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

3. Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ:

- a) Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng;
- b) Những kết luận khoa học chính, những điểm mới, đóng góp mới của luận án;
- c) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;
- d) Ý nghĩa lý luận, thực tiễn và các đề xuất sử dụng kết quả nghiên cứu của luận án;

- d) Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;
  - e) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia và Thư viện Trường;
  - g) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án;
  - h) Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.
4. Quyết nghị của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng hình thức biểu quyết công khai.
  5. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo Quyết nghị của Hội đồng (nếu có) và có văn bản giải trình chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm kiểm tra lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của nghiên cứu sinh trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia và Thư viện Trường.
  6. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 11.

### **Điều 38. Bảo vệ luận án lần thứ hai**

1. Nếu luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua, nghiên cứu sinh được phép sửa chữa và đề nghị bảo vệ luận án lần thứ hai muộn nhất trước 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất.
2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án lần thứ hai giống như Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất. Nếu có thành viên vắng mặt, Hiệu trưởng quyết định bổ sung thành viên khác thay thế.
3. Quá 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án không được đưa ra bảo vệ.
4. Không tổ chức bảo vệ luận án lần thứ ba.
5. Tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án lần thứ hai như bảo vệ luận án lần đầu.

### **Điều 39. Bảo vệ luận án theo chế độ mật**

1. Trong trường hợp đặc biệt nếu đề tài nghiên cứu liên quan đến bí mật quốc gia, thuộc danh mục bí mật nhà nước của Bộ, Ngành thì Thủ trưởng Bộ, Ngành có văn bản đề nghị Hiệu trưởng xác định tính chất mật của nghiên cứu và thực hiện luận án theo chế độ mật trong suốt quá trình đào tạo. Việc xem xét cho một luận án bảo vệ theo chế độ mật phải được tiến hành trước khi đánh giá luận án ở cấp cơ sở. Trường phải báo cáo và được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản trước khi tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo chế độ mật.
2. Danh sách Hội đồng đánh giá luận án cấp khoa và cấp trường, danh sách các cán bộ tham dự ngoài Hội đồng, danh sách những đơn vị và cá nhân được gửi luận án và tóm tắt luận án phải được Bộ, Ngành quản lý bí mật đó đề nghị Hiệu trưởng xem xét.
3. Khi tổ chức cho một luận án bảo vệ theo chế độ mật, cơ sở đào tạo không phải thông báo công khai về buổi bảo vệ của nghiên cứu sinh trên các phương tiện truyền thông. Thời gian và địa điểm bảo vệ chỉ những người có trách nhiệm và những người được phép tham dự biết. Trình tự bảo vệ luận án theo chế độ mật thực hiện như bảo vệ luận án theo chế độ công khai.
4. Số lượng bản thảo luận án và tóm tắt luận án cũng như các bản chính thức phải được xác định và phải đóng dấu mật. Tất cả hồ sơ buổi bảo vệ mật phải được quản lý chặt chẽ theo quy chế bảo mật của Nhà nước.
5. Ngoài các quy định tại các khoản 2, 3, 4 của Điều này, người bảo vệ luận án theo chế độ mật vẫn phải thực hiện các quy định chung đối với nghiên cứu sinh.

## **Chương 6. THẨM ĐỊNH LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ**

### **Điều 40. Thẩm định luận án**

1. Cuối các tháng chẵn trong năm, nhà trường gửi báo cáo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh do trường đào tạo. Báo cáo gồm:

a) Công văn của trường, trong đó có danh sách trích ngang của các nghiên cứu sinh đã bảo vệ luận án cấp trường trong 2 tháng vừa qua (mẫu tại Phụ lục 6);

b) Bản sao quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

c) Bản sao biên bản và quyết nghị của các Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

d) Trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của các luận án.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ xác định các luận án cần thẩm định theo cách lựa chọn ngẫu nhiên hoặc khi luận án bị khiếu nại, tố cáo hoặc khi có nghi vấn trong quá trình đào tạo, quá trình hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án. Số lượng luận án được chọn thẩm định đảm bảo ít nhất 30% số luận án bảo vệ trong năm của cơ sở đào tạo. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ sở đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản thông báo về trường hợp cần thẩm định và yêu cầu hồ sơ cần gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo để thẩm định.

3. Sau ngày bảo vệ ít nhất 3 tháng, nếu nghiên cứu sinh không bị khiếu nại tố cáo, không có tên trong danh sách cần thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng xem xét cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh. Đối với những trường hợp cần thẩm định, việc xét cấp bằng tiến sĩ chỉ tiến hành sau khi có kết luận của Hội đồng căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 42 của Quy định này.

4. Trong thời gian không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thẩm định theo yêu cầu, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành kiểm tra hồ sơ, quá trình đào tạo, quy trình bảo vệ luận án, thành lập Hội đồng thẩm định luận án nếu cần.

### **Điều 41. Hội đồng thẩm định luận án**

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án. Hội đồng gồm 7 nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có chức danh khoa học và học vị tiến sĩ, có công trình công bố trong 3 năm gần đây về lĩnh vực của đề tài luận án, am hiểu về đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Hội đồng có Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các ủy viên Hội đồng. Thành viên Hội đồng thẩm định là những người chưa tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và cấp trường.

2. Trước khi họp Hội đồng, các thành viên Hội đồng thẩm định đọc và viết nhận xét về luận án, có ý kiến khẳng định về những thành công và hạn chế của luận án, khẳng định kết quả của luận án đã đáp ứng yêu cầu của một luận án tiến sĩ hay chưa. Hội đồng họp khi có mặt ít nhất 5 thành viên Hội đồng, trong đó Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng không được vắng mặt. Hội đồng phải có biên bản chi tiết các ý kiến thảo luận, trao đổi và kết luận về luận án. Luận án đạt yêu cầu thẩm định khi có trên 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt tán thành luận án.

3. Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết luận của Hội đồng thẩm định luận án, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản thông báo kết quả thẩm định cho trường. Trong thời gian không quá 2 tháng kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, trường có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về quyết định xử lý kết quả thẩm định của Hiệu trưởng theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 42 của

Quy định này, cùng với báo cáo trích ngang của đợt thẩm định mới (nếu có).

#### **Điều 42. Xử lý kết quả thẩm định**

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định và không có yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh theo quy định tại Điều 43 và Điều 44 của Quy định này.

2. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định nhưng có ý kiến yêu cầu phải sửa chữa của Hội đồng thẩm định, Hội đồng đánh giá luận án cấp trường hoặc viện cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét và quyết định các điểm cần bổ sung chỉnh sửa. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp trường kiểm tra và xác nhận chi tiết những nội dung đã bổ sung chỉnh sửa, báo cáo Hiệu trưởng cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh theo các yêu cầu quy định tại Điều 43 và Điều 44 của Quy định này.

3. Đối với luận án thẩm định không đạt yêu cầu, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản yêu cầu Hiệu trưởng tổ chức họp lại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường để xem xét. Tùy theo mức độ đánh giá của Hội đồng, Hiệu trưởng sẽ ra quyết định xử lý đối với luận án của nghiên cứu sinh theo một trong các hình thức: yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa luận án mà không cần bảo vệ lại; yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa và bảo vệ lại; yêu cầu nghiên cứu sinh tiến hành nghiên cứu bổ sung, sửa chữa và bảo vệ lại.

4. Thời gian cho phép nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, chỉnh lý luận án nhiều nhất là 12 tháng kể từ ngày Hội đồng đánh giá luận án cấp trường họp và quyết định. Việc tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ lại thực hiện theo Điều 38 của Quy định này. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành yêu cầu theo quyết định xử lý, Hiệu trưởng có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện của nghiên cứu sinh. Những nghiên cứu sinh phải bảo vệ lại, quy trình tiếp theo thực hiện như nghiên cứu sinh bảo vệ lần đầu.

5. Cơ sở đào tạo có từ 30% trở lên số luận án thẩm định không đạt yêu cầu trong năm sẽ bị dừng tuyển sinh ít nhất trong 1 năm kế tiếp; có từ 30% trở lên số luận án thẩm định không đạt yêu cầu trong 2 năm liên tiếp sẽ bị dừng việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ ít nhất trong 1 năm kế tiếp. Việc dừng các hoạt động này được thông báo công khai trên trang web của cơ sở đào tạo và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian bị dừng các hoạt động tuyển sinh, thành lập Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, cơ sở đào tạo phải có các giải pháp khắc phục, báo cáo kết quả với Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét việc cho phép tiếp tục tuyển sinh, tổ chức Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

#### **Điều 43. Hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ**

1. Khi đến thời hạn xét cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh thuộc diện quy định tại khoản 3 Điều 40 của Quy định này phải nộp cho Thư viện Quốc gia và Thư viện Trường mỗi nơi 01 bản luận án và 1 bản tóm tắt luận án (bao gồm bản in trên giấy và bản ghi trên đĩa mềm hoặc đĩa CD), kể cả các luận án bảo vệ mật và các luận án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

2. Bản luận án nộp cho Thư viện gồm 2 phần:

a) Phần 1 là toàn văn bản luận án đã được bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường (nếu có);

b) Phần 2 là các tài liệu của phiên họp bảo vệ, đánh giá luận án cấp trường, đóng quyển cùng với luận án, bao gồm:

- Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và danh sách

thành viên Hội đồng.

- Các bản nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng.
- Biên bản và nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường
- Văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa trong luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng cấp trường, có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

3. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh bao gồm:

- a) Biên bản chi tiết diễn biến của buổi bảo vệ luận án, câu hỏi của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và những người tham dự, trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi;
- b) Quyết nghị của Hội đồng;
- c) Các bản nhận xét của các thành viên của Hội đồng, cơ quan và nhà khoa học gửi tới Hội đồng;
- d) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá;
- e) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn;
- f) Danh sách Hội đồng có chữ ký của các thành viên tham dự buổi bảo vệ;
- g) Giấy biên nhận luận án của Thư viện Quốc gia và Thư viện Trường;
- h) Tờ báo đăng tin buổi bảo vệ (trừ những luận án bảo vệ theo chế độ mật);
- i) Bản in trang thông tin những đóng góp mới của luận án trên trang Web của Trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- k) Các tài liệu khác theo quy định của trường.

#### **Điều 44. Cấp bằng tiến sĩ**

1. Hồ sơ bảo vệ luận án được đưa ra xem xét làm thủ tục cấp bằng tiến sĩ bao gồm hồ sơ của các luận án không phải thẩm định và hồ sơ của các luận án đã đạt yêu cầu thẩm định quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 42 của Quy định này.

2. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức thẩm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án các cấp trước khi tổ chức họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

### **Chương 7. KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA, VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 45. Khiếu nại, tố cáo**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và người bảo vệ luận án có thể khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án, trong thời gian 2 tháng kể từ ngày bảo vệ cấp trường.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

#### **Điều 46. Thanh tra, kiểm tra**

1. Hàng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của các cơ sở đào tạo theo các quy định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo; chương trình và quy trình đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp; việc cấp bằng tiến sĩ của Thủ trưởng các cơ sở đào tạo; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ sở đào tạo. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị

(nếu có) sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo.

#### **Điều 47. Xử lý vi phạm**

1. Trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện đã có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật theo một trong các mức: khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập, thu hồi văn bằng đã được cấp (đối với nghiên cứu sinh đã được cấp bằng), truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Nghiên cứu sinh vi phạm các quy định tại khoản 5 Điều 27 của Quy định này sẽ bị xử lý từ khiển trách, cảnh cáo đến hủy bỏ kết quả học tập, hủy bỏ quyền được bảo vệ luận án. Nếu thông tin về người phản biện độc lập bị tiết lộ thì những người liên quan đến quá trình gửi luận án đi xin ý kiến phản biện độc lập bị xem xét kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến buộc thôi việc.

3. Trường hợp phát hiện có vi phạm, sai sót trong quá trình tuyển sinh, đào tạo hay đánh giá luận án, cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có văn bản đề nghị trường xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

### **Chương 8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 48. Tổ chức thực hiện**

1. Áp dụng Quy định đối với tuyển sinh: Quy định này được áp dụng từ đợt tuyển sinh tháng 8 năm 2010 trở đi.

2. Áp dụng Quy định đối với chương trình và tổ chức đào tạo: Đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp khoa trước ngày 31/12/2011 thực hiện chương trình đào tạo quy định tại Điều 14 của “Quy chế đào tạo sau đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 18/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 08/06/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục – Đào tạo. Từ tháng 01/2012, trước khi bảo vệ luận án ở cấp khoa, nghiên cứu sinh phải đáp ứng các điều kiện về trình độ ngoại ngữ và chương trình đào tạo quy định tại các Điều 16, 17, 18 và 22 của Quy định này.

---